

HUYỆN ỦY HÓN QUẢN
BAN BIÊN TẬP

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Hón Quản, ngày 6 tháng 4 năm 2018

*
Số **90** -KH/BBT

KẾ HOẠCH

**Biên soạn Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện
Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI và Báo cáo kiểm
điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy
trong chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI**

Thực hiện Quyết định số 1691-QĐ/HU ngày 13/3/2018 của Huyện ủy việc thành lập Ban Biên tập, Tổ giúp việc xây dựng Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 – 2020, Ban Biên tập xây dựng Kế hoạch như sau:

I. Mục đích

Xây dựng Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy trong chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI.

II. Yêu cầu

- Báo cáo đánh giá sơ kết giữa nhiệm kỳ cần khách quan, ngắn gọn, có tính khái quát cao, có số liệu minh họa và so sánh đạt được so với đầu nhiệm kỳ, mức độ thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

- Về số liệu: Số liệu chính thức 02 năm 2016 – 2017; ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2018.

III. Nội dung và tiến độ thực hiện

1. Biên soạn Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI:

(1) Xây dựng Đề cương báo cáo sơ kết; xây dựng Kế hoạch tổ chức biên soạn và phân công nội dung báo cáo cho các Tổ giúp việc; hoàn thành **trước ngày 10/4/2018**.

(2) Các Tổ giúp việc xây dựng nội dung báo cáo được phân công gửi về Tổ tổng hợp chung **trước ngày 10/5/2018**.

(3) Trên cơ sở báo cáo của các Tổ, Tổ tổng hợp chung xây dựng Dự thảo lần 1- Báo cáo sơ kết trình Ban Biên tập cho ý kiến **trước ngày 25/5/2018**.

(4) Tổ tổng hợp chung tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Biên tập để hoàn thiện Dự thảo lần 2 – Báo cáo sơ kết trình xin ý kiến Ban Thường vụ Huyện ủy **trước ngày 31/5/2018**.

(5) Tổ tổng hợp chung tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy để hoàn thiện Dự thảo lần 3- Báo cáo sơ kết **trước ngày 08/6/2018** để trình Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ.

(6) Sau Hội nghị sơ kết, Tổ tổng hợp chung tiếp thu ý kiến của đại biểu dự Hội nghị để hoàn thiện lần cuối Dự thảo Báo cáo sơ kết trình Thường trực Huyện ủy ký ban hành.

2. Biên soạn Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy trong chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI:

Giao Văn phòng Huyện ủy chủ trì phối hợp với các Ban xây dựng Đảng và các đơn vị liên quan biên soạn Báo cáo kiểm điểm trình Ban Biên tập, Ban Thường vụ Huyện ủy cho ý kiến; hoàn thiện Dự thảo báo cáo *trước ngày 08/6/2018* để trình Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phân công nội dung xây dựng báo cáo

- Tổ tổng hợp chung (Tổ 1):
 - + Tham mưu Ban Biên tập xây dựng Đề cương, Kế hoạch tổ chức biên soạn, phân công nhiệm vụ cho từng Tổ giúp việc.
 - + Chịu trách nhiệm tổng hợp chung, tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện, trình ký ban hành Báo cáo sơ kết.
- Tổ giúp việc về kinh tế (Tổ 2): Biên soạn nội dung báo cáo về lĩnh vực kinh tế tại Mục I- Đề cương.
- Tổ giúp việc về văn hóa – xã hội (Tổ 3): Biên soạn nội dung báo cáo về lĩnh vực văn hóa – xã hội tại Mục II - Đề cương.
- Tổ giúp việc về công tác nội chính (Tổ 4): Biên soạn nội dung báo cáo về lĩnh vực công tác nội chính tại Mục III - Đề cương.
- Tổ giúp việc về công tác xây dựng hệ thống chính trị (Tổ 5): Biên soạn nội dung báo cáo về công tác xây dựng hệ thống chính trị tại Mục IV - Đề cương.

2. Trách nhiệm của Tổ trưởng các Tổ giúp việc

- Căn cứ Kế hoạch này, Tổ trưởng các Tổ giúp việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Tổ viên; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện để hoàn thành nội dung báo cáo có chất lượng, đúng tiến độ.
- Tổ trưởng các Tổ giúp việc chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban biên tập về tính chính xác của các số liệu, dữ liệu báo cáo.

Trên đây là Kế hoạch biên soạn Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy trong chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI.

(Kèm theo Đề cương báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ)./.

Nơi nhận:

- TTHU;
- Thành viên Ban biên tập;
- Thành viên các Tổ giúp việc;
- LĐVP; CV;
- Đăng Website;
- Lưu (VPHU).

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Kiểm

TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP



Nguyễn Thị Kim Ngọc

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI (nhiệm kỳ 2015 – 2020)
(kèm theo Kế hoạch số 10-KH/BBT ngày 6/4/2018 của Ban biên tập)



Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. KINH TẾ.

1. Kết quả:

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra về lĩnh vực kinh tế:

- Tổng số chỉ tiêu đề ra, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 – 2018.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2018: công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ, nông, lâm, thủy sản.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2018.

1.2. Đánh giá tình hình của các ngành.

1.2.1. Về nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân giai đoạn 2016 – 2018.

- Hiệu quả sử dụng quỹ đất nông nghiệp; định hướng nông dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; công tác khuyến nông, thâm canh để nâng cao hiệu suất cây trồng, sử dụng giống mới và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp, trọng tâm là phát triển chăn nuôi tập trung... gắn với Đề án chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng bền vững; khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng tập trung công nghiệp.

- Công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Chất lượng của mạng lưới thú y, bảo vệ thực vật; công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng so với năm 2015; tổng số trang trại chăn nuôi, trồng trọt, số lượng lao động trong các trang trại so với năm 2015; tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổng số hợp tác xã, tổ hợp tác, lĩnh vực sản xuất, quy mô hoạt động, giá trị sản phẩm.

- Tình hình xây dựng nông thôn mới: Số xã được công nhận xã nông thôn mới; tiêu chí đạt bình quân của các xã còn lại; tổng nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới.

1.2.2. Công nghiệp, xây dựng, giao thông:

- Công nghiệp:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng bình quân giai đoạn 2016 – 2018.

+ Công tác thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của huyện như chế biến gỗ, sản xuất phân bón, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến nông sản và sản phẩm chăn nuôi...

+ Công tác cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thông thoáng để thu hút các thành phần kinh tế vào đầu tư.

+ Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện.

+ Số doanh nghiệp trên địa bàn, tình hình sản xuất, kinh doanh; trách nhiệm của các doanh nghiệp về nghĩa vụ thuế, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương.

- Xây dựng: Công tác quy hoạch, cấp phép xây dựng, quản lý về xây dựng; tổng số dự án được đầu tư, tổng nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án, chất lượng công trình.

- Giao thông: Công tác quản lý về giao thông; tổng số công trình được đầu tư, tổng số nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện gắn với Kế hoạch xây dựng, nâng cấp các tuyến đường huyện trên địa bàn huyện Hớn Quản giai đoạn 2016 – 2020.

1.2.3. Thương mại, dịch vụ:

- Giá trị sản xuất thương mại – dịch vụ; tốc độ tăng giá trị sản xuất thương mại – dịch vụ bình quân giai đoạn 2016 – 2018.

- Việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn; các hoạt động xúc tiến thương mại.

- Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thương mại – dịch vụ; việc cải tạo, nâng cấp các chợ trên địa bàn.

- Công tác thông tin về thị trường, giá cả.

- Kết quả phát triển các loại hình dịch vụ như dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, khoa học, công nghệ, ngân hàng.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, thành phần kinh tế tư nhân và hộ gia đình.

1.2.4. Tài chính – tín dụng:

- Tổng thu, chi ngân sách giai đoạn 2016 – 2018, tăng bình quân hàng năm; cơ cấu thu, chi ngân sách.

- Năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện.

1.2.5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Kết quả huy động các nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sinh hoạt và đời sống.

- Tiến độ thực hiện các công trình trong khu trung tâm hành chính huyện.

- Công tác quản lý nhà nước đối với công tác xây dựng cơ bản theo quy hoạch, kế hoạch và danh mục các công trình của từng năm.

1.2.6. Tài nguyên – Môi trường:

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Công tác giải quyết tranh chấp, khiếu kiện về đất đai.
- Công tác quản lý môi trường; khai thác tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, thu gom rác thải...

2. Hạn chế.

3. Nguyên nhân.

- Nguyên nhân khách quan:
- Nguyên nhân chủ quan:

4. Nhiệm vụ, giải pháp *(Tập trung khắc phục hạn chế)*.

5. Đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ cần điều chỉnh

II. VĂN HÓA – XÃ HỘI.

1. Kết quả:

1.1. Giáo dục và đào tạo:

- Kết quả thực hiện Đề án đổi mới công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng giáo dục của các trường trên địa bàn huyện Hớn Quản, giai đoạn 2016 – 2020 và những năm tiếp theo.
- Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia.
- Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; nguồn lực đầu tư.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng của giáo viên.
- Chất lượng giáo dục phổ cập ở các cấp học; tỷ lệ học sinh bỏ học.
- Công tác hướng nghiệp, dạy nghề và các hoạt động giáo dục cộng đồng.

1.2. Văn hóa – Thể thao:

- Kết quả thực hiện Đề án phát triển văn hóa, thể dục thể thao quần chúng; nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà Văn hóa cộng đồng; duy trì lễ hội dân gian góp phần phát triển du lịch trên địa bàn huyện Hớn Quản giai đoạn 2016 – 2020.
- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”; tỷ lệ ấp, sóc và khu dân cư được công nhận giữ vững danh hiệu văn hóa; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa hàng năm.
- Công tác quản lý về văn hóa, thể thao.
- Công tác đầu tư cơ sở vật chất về văn hóa. Chất lượng, hiệu quả các hoạt động thông tin, truyền thông của huyện và cơ sở, hoạt động của nhà văn hóa cộng đồng.

1.3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Mức tỷ suất giảm sinh hàng năm, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ, số bác sỹ/vạn dân, số giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 05 tuổi, tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng.
- Công tác đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế.
- Chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.
- Công tác quản lý nhà nước hoạt động y tế tư nhân, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.4. Chính sách xã hội.

- Công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho lao động; công tác quản lý nhà nước về lao động trong các doanh nghiệp, trang trại trên địa bàn huyện.
- Công tác giảm nghèo.
- Chế độ, chính sách đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công và các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo và trẻ em.

1.5. Công tác dân tộc, tôn giáo:

- Về dân tộc: Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách của trung ương, của tỉnh đối với đồng bào dân tộc thiểu số.
- Về tôn giáo: Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đối với tôn giáo. Tình hình hoạt động của các tôn giáo.

1.6. Khoa học công nghệ:

- Việc triển khai các hoạt động phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tổng số đề tài, mô hình, dự án chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ được triển khai thực hiện, kết quả thực hiện.

2. Hạn chế.

3. Nguyên nhân.

- Nguyên nhân khách quan:
- Nguyên nhân chủ quan:

4. Nhiệm vụ, giải pháp *(Tập trung khắc phục hạn chế)*.

5. Đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ cần điều chỉnh

III. QUỐC PHÒNG – AN NINH, NỘI CHÍNH.

1. Kết quả:

1.1. Về quốc phòng:

- Kết quả thực hiện công tác củng cố thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp thể trận an ninh nhân dân gắn với thực hiện Đề án xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự xã vững mạnh toàn diện và xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ huyện Hón Quân giai đoạn 2016 – 2021 và những năm tiếp theo.

- Kết quả thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng khu vực phòng thủ.
- Công tác huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, diễn tập tác chiến trị an cấp xã.
- Công tác tuyển quân hàng năm.
- Công tác trực sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ cứu nạn.
- Công tác tuyên truyền quốc phòng toàn dân; giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh.

1.2. Về đảm bảo an ninh trật tự:

- Kết quả triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác nhân quyền, đảm bảo an ninh quốc gia, chiến lược bảo vệ Tổ quốc, phòng chống các loại tội phạm, phòng chống và kiểm soát ma túy, bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/11/2016 của UBND huyện về giữ vững ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi tệ nạn xã hội giai đoạn 2016 – 2020.

- Kết quả xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ dân phòng, tổ tự quản.

- Công tác củng cố tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở.

- Công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân từ huyện đến xã trong sạch, vững mạnh; chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong lực lượng công an nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.3. Về công tác nội chính.

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Kết quả triển khai thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2018.

- Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

- Công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực kinh tế - xã hội.

2. Hạn chế.

3. Nguyên nhân.

- Nguyên nhân khách quan:

- Nguyên nhân chủ quan:

4. Nhiệm vụ, giải pháp (*Tập trung khắc phục hạn chế*).

5. Đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ cần điều chỉnh

IV. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Kết quả:

1.1. Công tác xây dựng Đảng:

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng:

+ Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 5, Trung ương 6 khóa XII và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

+ Việc tổ chức triển khai học tập nghị quyết của Đảng gắn với thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác triển khai, học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng trên địa bàn huyện”.

+ Công tác giáo dục lý luận chính trị tư tưởng gắn với kết quả Đề án “Phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng bộ tỉnh Bình Phước”.

+ Công tác giáo dục lịch sử truyền thống cách mạng của địa phương.

+ Chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên điều tra dư luận xã hội.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc.

- *Công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên:*

+ Kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức cán bộ, trọng tâm là Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII.

+ Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

+ Công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức gắn với kết quả thực hiện Kế hoạch số 37-KH/HU ngày 12/9/2016 của Huyện ủy về điều động, luân chuyển đào tạo nguồn cán bộ trẻ thông qua thực tiễn. Chính sách thu hút, bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện.

+ Công tác kiểm điểm, đánh giá, phân loại tổ chức đảng, đảng viên hàng năm; tỷ lệ tổ chức đảng, đảng viên hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Công tác kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

+ Công tác vận động thành lập tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân, trạm y tế chưa có chi bộ.

+ Công tác phát triển đảng viên.

+ Công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

+ Chính sách cán bộ.

- *Kiểm tra, giám sát:*

+ Việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quy định của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng.

+ Việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm. Nội dung kiểm tra, giám sát; chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát.

+ Công tác thi hành kỷ luật Đảng.

+ Việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên.

- *Công tác dân vận:*

+ Công tác xây dựng, triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng liên quan đến công tác dân vận (Ban hành bao nhiêu văn bản chuyên đề; trọng tâm những vấn đề nào; việc triển khai thực hiện của cấp huyện và cấp xã).

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch số 41-KH/HU ngày 27/10/2016 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng về công tác dân vận; Kế hoạch số 45-KH/HU ngày 17/11/2016 của Huyện ủy thực hiện Đề án của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công tác dân vận của hệ thống chính trị.

+ Kết quả thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Dân vận chính quyền” và công tác dân vận của hệ thống chính trị gắn với thực hiện Kế hoạch số 46-KH/HU ngày 17/11/2016 của Huyện ủy về công tác dân vận phối hợp với UBND huyện và các ngành chức năng tham gia trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện, giai đoạn 2016 – 2020.

+ Công tác phối hợp giữa dân vận, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang.

+ Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Hoạt động của khối dân vận xã và tổ dân vận ấp, sóc.

+ Công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo; vai trò của lực lượng nòng cốt trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo.

+ Việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận (sơ kết, tổng kết bao nhiêu chuyên đề).

1.2. Hoạt động của MTTQ, các đoàn thể

- Nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể.

- Vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc giám sát, phản biện xã hội và vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Công tác củng cố, phát triển đoàn viên, hội viên xây dựng lực lượng nòng cốt trong các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở. Tỷ lệ mỗi đoàn thể chính trị - xã hội hàng năm được xếp loại khá trở lên, tỷ lệ thu hút đối tượng vào tổ chức.

- Công tác vận động, triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước của quần chúng nhân dân.

- Công tác tuyên truyền, vận động, thành lập các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân theo Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư.

1.3. Công tác xây dựng chính quyền:

- Công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021.

- Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của HĐND các cấp đối với việc thực hiện Nghị quyết của HĐND trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh.

- Chất lượng các kỳ họp của HĐND các cấp; hoạt động của các Ban của HĐND; chất lượng các đợt tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND; việc tiếp thu, giải quyết kiến nghị của cử tri.

- Công tác kiện toàn, sắp xếp bộ máy của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước từ huyện đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý, điều hành công việc của UBND huyện và cơ quan chuyên môn; ứng dụng công nghệ thông tin vào cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”.

- Công tác cải cách hành chính.

- Công tác kiểm tra việc thực hiện kỷ cương hành chính, trách nhiệm công vụ, thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức với nhân dân.

- Việc thực hiện quy chế phối hợp giữa UBND huyện với MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Hạn chế.

3. Nguyên nhân.

- Nguyên nhân khách quan:

- Nguyên nhân chủ quan:

4. Nhiệm vụ, giải pháp (*Tập trung khắc phục hạn chế*).

5. Đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ cần điều chỉnh

*** Ghi chú:**

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết phải có so sánh với đầu nhiệm kỳ và tính được mức độ thực hiện từng chỉ tiêu Nghị quyết.

- Đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề xuất điều chỉnh phải nêu rõ lý do.

- Đề cương này gợi ý những nội dung chính trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 – 2020. Trong quá trình biên soạn, các Tổ chuyên môn cần bám sát tình hình thực tế của ngành, lĩnh vực mình phụ trách, bổ sung đánh giá các vấn đề phát sinh khác để nội dung báo cáo được toàn diện./.

BẢNG THỐNG KÊ

Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2015 – 2020

(Kèm theo Báo cáo số -BC/HU ngày / /2018 của Huyện ủy)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Nghị quyết	Kết quả thực hiện nửa nhiệm kỳ	So với đầu nhiệm kỳ	So với Nghị quyết (%)	Điều chỉnh
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	9,7				
2	Cơ cấu kinh tế						
	Khu vực công nghiệp, xây dựng	%	23				
	Khu vực thương mại, dịch vụ	%	34				
	Khu vực nông, lâm, thủy sản	%	43				
3	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	57,9				
4	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	2.775				
	Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	4,15				
5	Giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng	Tỷ đồng	729				
	Tốc độ giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng	%	7,31				
6	Giá trị sản xuất thương mại – dịch vụ	Tỷ đồng	1.051				
	Tốc độ tăng giá trị sản xuất thương mại – dịch vụ	%	8,36				
7	Thu ngân sách	Tỷ đồng	126				
8	Số xã duy trì và được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	07				
9	Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	12				
	Phấn đấu thêm trường đạt chuẩn quốc gia.	Trường	7 – 8				
10	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	3,35 – 0,5				
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	92				
	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	100				
	Số bác sỹ/ vạn dân	Bác sỹ	3,6				
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	7,6				
	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 05 tuổi không chế	%	Dưới 11				

	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng	%	95				
11	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”	%	85				
	Tỷ lệ ấp, sóc và khu dân cư được công nhận giữ vững danh hiệu văn hóa	%	60				
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	53,8				
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	100				
12	Phấn đấu giải quyết việc làm	Lao động	15.000				
	Đào tạo nghề	Lao động	2.500				
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	Dưới 1,95				
13	Kết nạp đảng viên	Đảng viên	400				
	Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm trở lên	%	90				
	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm trở lên	%	90				
14	Tỷ lệ tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội xếp loại khá trở lên	%	90				
	Mỗi tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thu hút đối tượng vào tổ chức	%	81				